**KHUNG MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN TOÁN**

**I. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  (1**)** | **Chương/Chủ đề**  (2) | **Nội dung/đơn vị kiến thức**  (3) | **Mức độ đánh giá**  (4-11) | | | | | | | | **Tổng % điểm**  (12) |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Số tự nhiên (28 tiết)** | ***Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên*** | **4**  **(1đ)** |  | **2**  **(0,5đ)** | **1**  **(0,5đ)** | **1**  **(0,25đ)** |  |  |  | **22,5** |
| ***Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên*** | **1**  **(0,25đ)** |  |  |  | **1**  **(0,25đ)** | **4**  **(2đ)** |  |  | **25** |
| ***Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung*** | **5**  **(1,25đ)** |  |  |  |  |  |  | **1**  **(1đ)** | **22,5** |
| **2** | **Một số hình phẳng trong thực tiễn**  **( 13 tiết)** | ***Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều*** | **1**  **(0,25đ)** |  | **2**  **(0,5đ)** |  |  |  |  |  | **7,5** |
| ***Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân*** | **2**  **(0,5đ)** |  | **1**  **(0,25đ)** | **2**  **(1,5đ)** |  |  |  |  | **22,5** |
| **Tổng** | | | **13**  **(3,25đ)** |  | **5**  **(1,25đ)** | **3**  **(2,5đ)** | **2**  **(0,5đ)** | **4**  **(2đ)** |  | **1**  **(1đ)** | **28**  **(10đ)** |
| **Tỉ lệ %** | | | **32,5%** | | **36,5%** | | **20%** | | **10%** | | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | | **100** |

**II. BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN TOÁN -LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **Số tự nhiên (28 tiết)** | **Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên** | **Nhận biết**  – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên.  – Nhận biết được (quan hệ) thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên. | 4(TN) |  |  |  |
| **Thông hiểu**  – Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân.  – Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã. |  | 2(TN)  1(TL) |  |  |
|  | ***Vận dụng:***  – Sử dụng được thuật ngữ tập hợp, phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp; sử dụng được cách cho tập hợp.  - So sánh được hai số tự nhiên cho trước. |  |  | 1(TN) |  |
| ***Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính. | 1(TN) |  |  |  |
| ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán.  – Thực hiện được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai luỹ thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.  – Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.  – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...). |  |  | 1(TN)  4(TL) |  |
|  |  | ***Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung*** | ***Nhận biết :***  – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.  – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.  – Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư.  – Nhận biết được phân số tối giản. | 5(TN) |  |  |  |
| ***Vận dụng:***  – Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không.  – Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.  – Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất; xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất.  – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước,...). |  |  |  |  |
| ***Vận dụng cao:***  – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)***. |  |  |  | 1(TL) |
|  | **Một số hình phẳng trong thực tiễn**  **( 13 tiết)** | **Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều** | ***Nhận biết:***  – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. | 1(TN) |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều (ví dụ: ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông (ví dụ: bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều (ví dụ: sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau). |  | 1(TL) |  |  |
| ***Vận dụng***  – Vẽ được tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.  – Tạo lập được lục giác đều thông qua việc lắp ghép các tam giác đều. |  |  |  |  |
| **Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân** | ***Nhận biết***  – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. | 2(TN) |  |  |  |
| ***Thông hiểu***  – Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...). |  | 2 (TN)  2(TL) |  |  |
| ***Vận dụng***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên. |  |  |  |  |
| **Tổng** | | | | **13** | **8** | **6** | **1** |
| **Tỉ lệ %** | | | | **32,5** | **36,5** | **20** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | | | **70** | | **30** | |

**III. ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 MÔN TOÁN 6**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT SƠN ĐỘNG**  **ĐỀ THAM KHẢO**  **TRƯỜNG THCS TT AN CHÂU** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **NĂM HỌC: 2022 - 2023**  **Môn: TOÁN – Lớp 6**  Thời gian làm bài: 90 phút  *Đề kiểm tra gồm 3 trang.* |

**Phần I: Trắc nghiệm (5 điểm)** *Hãy chọn phương án trả lời đúng và viết chữ cái đứng trước phương án đó vào bài làm.*

1. **(NB).** Số nào sau đây ***không*** thuộc tập hợp số tự nhiên ?

A.  B.. C. 2022 D. 

1. **(NB).** Số liền sau của số 2022 là

A.  B.  C.  D. 

1. (**NB**). Cho tập hợp . Khẳng định nào sau đây là đúng?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. **(NB).** Số  đọc là

A. Ba trăm tám mươi. B. Ba mươi tám.

C. Ba trăm linh tám. D. Ba linh tám.

1. **(NB).** Thứ tự thực hiện đúng đối vớibiểu thức không có dấu ngoặc là:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Lũy thừa  Nhân và chia  Cộng và trừ. | **B.** Nhân và chia Lũy thừa  Cộng và trừ. |
| **C.** Lũy thừa  Cộng và trừ Nhân và chia. | **D.** Cộng và trừ Nhân và chia Lũy thừa. |

1. (TH) Hình vuông có, diện tích của hình vuông đó?

**A.** 3. **B.** 9. **C.** 12. **D.** 81.

1. **(VD).** Khi viết gọn tích  bằng cách dùng luỹ thừa, kết quả đúng là :

A. . B. . C. . D. .

1. **(NB).**Trong các số sau, số nào chia hết cho  và ?

A.. B.. C.. D..

1. **(NB).** Cho các số . Số ***không*** là số nguyên tố trong các số đó là

A. . B.. C.23. D. cả 3 số trên.

1. **(NB).** Trong phép chia một số tự nhiên cho  số dư có thể là:

A.1;2;3. B. . C.. D..

1. **(NB).** Số nào sau đây là bội của ?

A.12. B.. C.. D. .

1. **(NB).** Trong các phân số sau phân số nào là phân số tối giản ?

A.  B.  . C. . D..

1. **(TH).** Số La Mã  có giá trị là:

A. . B. . C. . D. .

1. **(TH).** Giá trị của chữ số trong số  là:

A. . B. . C.. D. .

**Câu 15 (NB).** Trong hình bên có:

A. 4 hình vuông.

B. 5 hình vuông.

C. 6 hình vuông.

D. 8 hình vuông.

**Câu 16 (NB).**Hình nào sau đây có các cạnh bằng nhau?

A. Hình tam giác đều, hình thoi, hình thang cân.

B. Hình tam giác đều, hình bình hành, hình thang cân.

C. Hình tam giác đều, hình thoi, hình vuông.

D. Hình tam giác đều, hình bình hành, hình vuông.

**Câu 17 (NB).** Hình nào sau đây có các góc bằng nhau?

A. Hình thoi. B. Hình chữ nhật. C. Hình bình hành. D. Hình thang cân.

**Câu 18 (TH).** Nếu có hai miếng bìa hình thang cân với kích thước như hình bên, em sẽ ghép được các hình nào sau đây?

A. Hình vuông, hình chữ nhật.

B. Hình vuông, hình bình hành.

C. Hình bình hành, lục giác đều.

D. Lục giác đều, hình thang cân.

**Câu 19 (TH).** Cho tam giác đều *ABC* có cạnh . Khi đó chu vi của tam giác đều *ABC* là

A.3 cm. B. . C. . D. .

**Câu 20 (VD).** Tập hợp  là số lẻ và  được viết dưới dạng liệt kê các phần từ là:

A. . B. .

C. . D. .

**Phần II: Tự luận (5 điểm)**

1. (*0,5 điểm).****(TH)*** Nghỉ hè Mai được bố mẹ cho về quê thăm ông bà nội. Nhà ông bà nội có một khu vườn thật rộng. Trong vườn trồng nhiều loại cây ăn quả như cây xoài, cây mít, cây ổi. Bên bờ ao có những cây tre mọc thành từng bụi lớn. Hàng rào là những cây dâm bụt cho hoa đỏ rực. Mai rất thích khu vườn của ông bà nội.

Viết tập hợp  gồm tên các loại cây có trong khu vườn của ông bà nội Mai.

1. (*1,5 điểm).* **(VD)**Thực hiện phép tính:

1) 

2) 

1. *(1 điểm).* **(VD)**Tìm số tự nhiên *x*, biết:

1)  2) 

**Câu 4**.(*1 điểm).* **(TH)** Kích thước chuẩn của sân bóng đá mini cho 5 người là sân hình chữ nhật có chiều dài tối thiểu  và tối đa là , chiều rộng tối thiểu  và tối đa . Trường THCS A xây dựng sân bóng đá cỏ nhân tạo hình chữ nhật có chiều dài , chiều rộng  .

1. Em hãy vẽ minh họa trên giấy sân bóng đá hình chữ nhật  có cạnh  dài  và cạnh  dài .

2. Em hãy tính diện tích sân bóng đó.

**Câu 5. *(****1 điểm)* **(VDC)**Một người bán 6 giỏ cam và xoài. Mỗi giỏ chỉ đựng hoặc cam hoặc xoài với số lượng sau: 34 quả, 39 quả, 40 quả, 41 quả, 42 quả, 46 quả. Sau khi bán một giỏ xoài thì số cam còn lại gấp 4 lần số xoài còn lại . Hãy cho biết giỏ nào đựng cam, giỏ nào đựng xoài?

**……………………….Hết…………………………**

Họ và tên thí sinh:……………………………SBD:……………………………………..

**IV. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT SƠN ĐỘNG**  **ĐỀ THAM KHẢO**  **TRƯỜNG THCS TT AN CHÂU** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **NĂM HỌC: 2022 - 2023**  **Môn: TOÁN – Lớp 6**  Thời gian làm bài: 90 phút  *Đề kiểm tra gồm 3 trang.* |

**Phần I: Trắc nghiệm (5 điểm)**

*Mỗi câu đúng ghi 0,25 điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đáp án | A | C | B | C | A | B | C | A | B | C |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đáp án | D | D | B | D | B | C | B | C | B | B |

**Phần 2: Tự luận (5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** |  | **0,5** |
| *0,5 điểm* | A = {cây xoài, cây mít, cây ổi, cây tre, cây dâm bụt} | 0,5 |
| **Câu 2** |  | 1 |
| 2.1  0,5 điểm | 1) | 0,5 |
|  | 0,25 |
| 2.2  0,5 điểm | 2) | 0,5 |
|  | 0,25 |
| **Câu 3** |  | 1 |
| 3.1  0,5 điểm | 1) | 0,25 |
| Vậy: | 0,25 |
| 3.2  0,5 điểm | 2) | 0,25 |
| Vậy:.... | 0,25 |
| **Câu 4** |  | 1 |
| *1,5 điểm* | 1) Vẽ đúng hình kích thước | 0,5 |
| 2) Diện tích sân bóng là: | 0,5 |
| **Câu 5** |  | 1 |
| *1điểm* | Vì số cam còn lại gấp 4 lần số xoài còn lại nên tổng số quả cam và xoài còn lại là số chia hết cho 5.  Mà người đó mang ra chợ số cam và xoài là:  34 + 39 + 40+ 41 + 42 + 46 = 242 (quả)  242 chia 5 dư 2  Vậy giỏ xoài bán đi có số quả là số chia cho 5 dư 2. | 0,25 |
| Các số 34, 39, 40, 41, 42, 46 chỉ có số 42 chia cho 5 dư 2  Suy ra giỏ xoài bán đi có 42 quả. | 0,25 |
| Số cam và số xoài còn lại là 242-42=200 (quả)  Số xoài còn lại là 200:5=40 (quả) | 0,25 |
| Vậy ta có:  Các giỏ xoài là các giỏ chứa: 40 quả; 42 quả  Các giỏ cam là các giỏ chứa : 34 quả; 39 quả; 41 quả; 46 quả. | 0,25 |
| **Tổng điểm** | | **5** |

***\*Lưu ý :*** *Học sinh làm cách khác đúng vẫn được điểm tối đa ứng với điểm của phần đó.*